TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49**/2023/DS-ST
Ngày 04-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Ông Nguyễn Minh Trí

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 40, Khu phố 6, phường C, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị Bảo Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 17, Khu phố 4, phường C, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 12 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D trình bày:*** Do là quen biết nên bà Nguyễn Ngọc D có cho bà Ngô Thị Bảo Th vay tổng số tiền 1.050.000.000đ, cụ thể như sau:

+ Ngày 30/11/2020, vay số tiền 100.000.000đ, thời gian vay đến ngày 29/12/2020, lãi suất hai bên không thỏa thuận, chỉ thỏa thuận bằng lời nói là

0,83%/tháng.

+ Ngày 18/6/2022, vay số tiền 750.000.000đ, thời hạn vay đến ngày 18/12/2022, lãi suất hai bên không thỏa thuận.

+ Ngày 23/7/2022, vay số tiền 200.000.000đ, thời hạn vay và lãi suất hai bên không thỏa thuận, nhưng có thỏa thuận bằng lời nói với thời hạn vay 5 tháng kể từ ngày 23/7/2022.

Khi vay bà Th không thế chấp tài sản gì cho bà D. Quá trình vay, bà Th đã trả được tiền lãi đầy đủ cho bà D đối với số tiền 100.000.000đ. Đối với số tiền 750.000.000đ trả được 01 tháng tiền lãi, đến khi vay thêm được số tiền 200.000.000đ là ngưng trả lãi đối với toàn bộ số tiền đã vay. Bà D đã nhiều lần hỏi thì bà Th hứa khi nào bán được đất sẽ trả tiền cho bà D nhưng sau đó đã bỏ đi không liên lạc được và cho đến nay vẫn không trả nên nên bà D khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Bảo Th trả cho bà D số tiền nợ gốc 1.050.000.000đ, tiền lãi không yêu cầu.

**** Bị đơn bà Ngô Thị Bảo Th:*** Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục: Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các điều 70, 71, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến và yêu cầu khắc phục gì thêm về tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về thẩm quyền:* Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc D là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Ngô Thị Bảo Th cư trú tại thành phố Th nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc tham gia của đương sự tại phiên tòa*: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Ngô Thị Bảo Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là được đăng trên báo Thanh niên 03 kỳ liên tiếp vào các ngày 20, 21, 22 tháng 4 năm 2023 và phát sóng trên kênh Trung tâm quảng cáo và dịch vụ truyền thông (VOV AMS) trong 03 ngày liên tiếp nhưng đến nay bà Ngô Thị Bảo Th vẫn

vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về số tiền gốc:

[2.1.1] Theo Giấy mượn tiền đề ngày 30/11/2020; Giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2022 và Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 23/7/2022 có chữ ký và chữ viết họ tên của bên vay bà Ngô Thị Bảo Th thể hiện bà Th có vay của bà D tổng số tiền 1.050.000.000đ. Đến nay đã hết thời hạn trả nợ nhưng bà Th vẫn không trả nên bà D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Khảm trả số tiền gốc còn nợ còn lại là 1.050.000.000đ.

Về phía bị đơn đã được Tòa án thực hiện tống đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng gồm thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Xét thấy: Qua xem Giấy mượn tiền đề ngày 30/11/2020; Giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2022 giữa bà D và bà Th mà hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Quá trình vay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc còn nợ đối với 100.000.000đ theo Giấy mượn tiền đề ngày 30/11/2020 và số tiền 750.000.000đ theo Giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2022 là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.1.2] Đối với số tiền 200.000.000đ theo Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 23/7/2022 thì nguyên đơn cho rằng, việc bà Th ký giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 23/7/2022 là do trước đó bà D đã chuyển vào tài khoản cho bà Th, sau đó hai bên đến phòng công chứng để công chứng thành một giấy mượn tiền của 03 lần vay nhưng do số chứng minh của bà Th không trùng khớp với sổ hộ khẩu nên không thể công chứng được nên bà Th mới viết giấy tay xác nhận có nhận của bà D số tiền 200.000.000đ.

Xét: Mặc dù trong nội dung giấy xác nhận mượn tiền không thể hiện rõ số tiền 200.000.000đ là bà Th nhận của ai, số tiền này là số tiền gì. Tuy nhiên, tại sao kê tài khoản có thể hiện ngày 23/7/2022 bà D cho bà Th mượn số tiền 200.000.000đ với thời hạn 5 tháng nên hoàn toàn trùng hợp với số tiền cũng như thời gian tại Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 23/7/2022. Phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt được coi là từ bỏ quyền trình bày và yêu cầu của mình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 200.000.000đ theo Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 23/7/2022 là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ phân tích nêu trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 1.050.000.000đ.

[4] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 4.890.982đ, nguyên đơn phải chịu số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 180, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 429, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D đối với bị đơn bà Ngô Thị Bảo Th về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Ngô Thị Bảo Th có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Ngọc D tổng số tiền là 1.050.000.000đ (Một tỷ không trăm năm mươi triệu đồng) theo Giấy mượn tiền đề ngày 30/11/2020; Giấy mượn tiền đề ngày 18/6/2022 và Giấy xác nhận mượn tiền đề ngày 23/7/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về chi phí chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là: 4.890.982đ (Bốn triệu tám trăm chín mươi nghìn chín trăm tám mươi hai đồng), nguyên đơn phải chịu số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Ngô Thị Bảo Th phải chịu 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc D số tiền 21.750.000đ (Hai mươi mốt triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021-0002364 ngày 31/01/2023.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS TP. Thủ Dầu Một;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng